

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực,
ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai năm 2023

Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai năm 2023, gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai năm 2023 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một

phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai năm 2023 tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai và Công báo tỉnh Gia Lai.

2. Sở Tư pháp kiểm tra, thực hiện cập nhật tình trạng hiệu lực của các văn bản tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trương Hải Long

Phụ lục I

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ THUỘC LĨNH VỰC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ (31 văn bản)					
I.1	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI				
I.1.1	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH				
1	Nghị quyết	68/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	Về việc áp dụng trực tiếp mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Được thay thế bằng Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	17/7/2023
2	Nghị quyết	87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018	Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	17/4/2023

3	Nghị quyết	132/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	Về việc sửa đổi một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	17/4/2023
4	Nghị quyết	31/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Nghị quyết số 53/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	17/4/2023
I.1.2	LĨNH VỰC NỘI VỤ				
5	Nghị quyết	136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021	Quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	18/12/2023
I.1.3	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
6	Nghị quyết	30/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2022 - 2023	Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản	31/5/2023
I.1.4	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI				

7	Nghị quyết	120/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019	Quy định hỗ trợ, đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	30/10/2023
I.2	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI				
I.2.1	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ				
1	Quyết định	26/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	Ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng tại địa bàn tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	17/3/2023
I.2.2	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH				
2	Quyết định	14/2011/QĐ-UBND ngày 08/6/2011	Ban hành Quy định về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 23/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	02/5/2023
3	Quyết định	35/2015/QĐ-UBND ngày 03/12/2015	Về việc ban hành biểu giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố Pleiku và thị xã Ayun Pa do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cấp nước Gia Lai cung cấp	Được thay thế bằng Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 11/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	01/12/2023
4	Quyết định	15/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	Về việc ban hành Quy định về lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 01/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	12/10/2023

5	Quyết định	42/2016/QĐ-UBND ngày 03/10/2016	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 01/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	12/10/2023
6	Quyết định	01/2018/QĐ-UBND ngày 08/01/2018	Ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	19/3/2023
7	Quyết định	32/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	01/11/2023
8	Quyết định	38/2019/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	Phân cấp thẩm quyền quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Gia Lai quản lý	Được thay thế bằng Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 23/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	04/5/2023
9	Quyết định	04/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022	Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	23/4/2023
10	Quyết định	14/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	Phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	30/01/2023

I.2.3	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
11	Quyết định	17/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Được thay thế bằng Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	08/10/2023
I.2.4	LĨNH VỰC NỘI VỤ				
12	Quyết định	31/2013/QĐ-UBND ngày 02/10/2013	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thuộc tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/7/2023
I.2.5	LĨNH VỰC XÂY DỰNG				
13	Quyết định	23/2016/QĐ-UBND ngày 21/4/2016	Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	06/3/2023
14	Quyết định	33/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	01/8/2023
I.2.6	LĨNH VỰC AN NINH, QUỐC PHÒNG				
15	Quyết định	57/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài tại tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	10/10/2023
I.2.7	LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				

16	Quyết định	01/2012/QĐ-UBND ngày 04/01/2011	Về việc ban hành Quy định về thiết lập, quản lý, cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đối với trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	08/6/2023
17	Quyết định	24/2013/QĐ-UB ngày 20/8/2013	Quy định mức chi hỗ trợ phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình ở đài phát thanh, truyền hình các cấp	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	08/6/2023
I.2.8	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI				
18	Quyết định	45/2008/QĐ-UBND ngày 20/8/2008	Về việc ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô của các cơ quan hành chính, sự nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	26/12/2023
19	Quyết định	15/2011/QĐ-UBND ngày 21/6/2011	Về việc bổ sung Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 20/8/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng đối với xe ô tô của các cơ quan hành chính, sự nghiệp có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	26/12/2023
I.2.9	LĨNH VỰC TƯ PHÁP				

20	Quyết định	07/2014/QĐ-UBND ngày 16/6/2014	Về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	14/5/2023
21	Quyết định	29/2015/QĐ-UBND ngày 30/9/2015	Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thực hiện cơ chế Một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	14/5/2023
I.2.10	LĨNH VỰC THUẾ				
22	Quyết định	13/2014/QĐ-UBND ngày 31/7/2014	Về việc ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	12/10/2023
23	Quyết định	01/2020/QĐ-UBND ngày 08/01/2020	Sửa đổi điểm a, khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Bị bãi bỏ bằng Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	12/10/2023

24	Quyết định	02/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	Quy định giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Được thay thế bằng Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	25/01/2023
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: 0 văn bản.					

Phụ lục II**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI NĂM 2023***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành	Tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN (12 văn bản)						
I.1	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI					
1	Nghị quyết	128/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020	Về ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Khoản c Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND	Được sửa đổi tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	18/12/2023

2	Nghị quyết	05/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	<p>Gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 7; điểm z khoản 2 Điều 7; gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 1 Điều 8; gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 8; định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị phân bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11; gạch đầu dòng thứ 8 tiêu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11; gạch đầu dòng thứ 6 tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11; gạch đầu dòng thứ nhất tiêu tiết b tiết 3.2.1 điểm 3.2 khoản 3 Điều 11; gạch đầu dòng thứ nhất tiêu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 thành mục 3.7.3; tiết c điểm 3.14 khoản 3 Điều 11</p>	Được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	18/12/2023
				<p>Cụm từ “(kể cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11; cụm từ “hợp đồng” tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11; nội dung “và Nghị định số</p>	Được bổ sung, bãi bỏ bằng Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	18/12/2023

				<p>68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” tại tiết đ điểm 1.1 khoản 1 Điều 11; bổ sung nội dung “(kể cả Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)” vào sau cụm từ “Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông” tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11;</p>		
--	--	--	--	--	--	--

				<p>Nội dung “lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và” tại gạch đầu dòng thứ nhất tiêu tiết b tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ nhất tiêu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11; gạch đầu dòng thứ 6 tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ 3 tiêu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11; thay thế cụm từ “phê duyệt” thành</p>		
--	--	--	--	--	--	--

				cụm từ “quyết định” tại điểm h khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 12; thay thế cụm từ “được duyệt” thành cụm từ “được giao” tại tiêu tiết a tiết 3.7.1 và tiêu tiết a tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11; Điều 13.		
3	Nghị quyết	40/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Khoản 2, khoản 5, điểm a khoản 6	Được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	18/12/2023
				Khoản 1, khoản 4	Bị bãi bỏ tại Điều 2 Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	18/12/2023
4	Nghị quyết	41/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Điểm 2.1 khoản 2 Điều 2	Được sửa đổi bằng Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	20/10/2023
5	Nghị quyết	17/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022	Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn	Tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều 9, tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 9, tiết a điểm 2.1 khoản	Được sửa đổi bằng Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND	20/10/2023

			ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	2 Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
I.2 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI						
1	Quyết định	46/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Quy định về giá đất một số khu vực, vị trí tại Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn của mục A Phụ lục	Được sửa đổi bằng khoản 2 Phụ lục II của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
2	Quyết định	54/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Cụm từ “nằm ở hẻm hẻm loại phụ của hẻm loại 1” tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở đô thị Mục A Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “nằm ở hẻm phụ của hẻm loại 1” theo quy định tại khoản 2 Phụ lục III của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh	21/01/2023

					Gia Lai	
3	Quyết định	56/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	- Quy định về cách xác định vị trí 2 tại thị trấn Chư Sê ở điểm 1 khoản II Mục C; - Quy định về cách xác định vị trí 2 tại xã Ia Tiêm ở điểm 6 khoản II Mục C	Được sửa đổi, bổ sung bằng khoản 2 Mục I Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				- Quy định xác định khu vực 3 cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn tại xã Ia Blang tại khoản I Mục C Phụ lục; - Quy định xác định khu vực 1; Khu vực 2; Khu vực 4, Vị trí 1 tại xã Ia Tiêm cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn khoản I Mục C Phụ lục; - Quy định xác định khu vực 3, vị trí 2; Khu vực 4, vị trí 2 tại xã Ia Pal cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn khoản I Mục C Phụ lục.	Được sửa đổi bằng Mục II Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023

				<p>Cụm từ “nằm ở hẻm hẻm loại phụ của hẻm loại 1” tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “nằm ở hẻm phụ của hẻm loại 1” theo quy định tại khoản 1 Mục III Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	21/01/2023
				<p>Cụm từ “Nguyễn Thái Học” tại quy định về giá đất ở đô thị đối với đường Ngô Mây (số thứ tự 43) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Cao Bá Quát” theo quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	21/01/2023

				<p>Cụm từ “Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Võ Thị Sáu” tại quy định về giá đất ở đô thị đối với đường Âu Cơ (số thứ tự 58) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến hết đường” theo quy định tại khoản 3 Mục III Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	21/01/2023
				<p>Cụm từ “Đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến hết đường” tại quy định về giá đất ở đô thị đối với đường Âu Cơ (số thứ tự 58) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường 17/3” theo quy định tại khoản 4 Mục III Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	21/01/2023

				Cụm từ “Hoàng Sa” tại số thứ tự 105 tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Trường Sa” theo quy định tại khoản 5 Mục III Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Cụm từ “Trường Sa” tại số thứ tự 106 tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục	Thay thế bằng cụm từ “Hoàng Sa” theo quy định tại khoản 6 Mục III Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/1/2023
4	Quyết định	09/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020	Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Một số quy định về giá đất tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị của Mục A Phụ lục	Được sửa đổi, bổ sung bằng Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	01/6/2023

				<p>Cụm từ “Hẻm hẻm” tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Hẻm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/06/2023
				<p>Cụm từ “Cuối đường (hết đất nhà ông Ân)” tại quy định giá đất ở đối với đường Châu Văn Liêm (số thứ tự số 21) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Cuối đường” theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023
				<p>Cụm từ “Hết ranh giới hội trường TDP 3” tại quy định giá đất ở đối với đường Cô Bắc (số thứ tự số 25) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Cuối đường” theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023

				<p>Cụm từ “Đường QH Đ2-công sau bệnh viện Đông y” tại quy định giá đất ở đối với đường Cô Giang (số thứ tự số 26) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Đặng Thùy Trâm” theo quy định tại điểm d khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023
				<p>Cụm từ “Đường trục chính thôn 2” tại quy định giá đất ở đối với đường Đặng Thái Thân (số thứ tự số 32) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Văn Cao” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023
				<p>Cụm từ “Hết thôn 2 (ranh giới xã Chư Yô)” tại quy định giá đất ở đối với đường Đào Duy Từ (số thứ tự số 37) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Hết ranh giới thành phố Pleiku” theo quy định tại điểm e khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023

				<p>Cụm từ “Lê Thị Hồng Gấm” tại quy định giá đất ở đối với đường Nguyễn Hữu Huân (số thứ tự số 120) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Âu Dương Lân” theo quy định tại điểm g khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/06/2023
				<p>Cụm từ “Hết ranh giới thành phố Pleiku” tại quy định giá đất ở đối với đường Phạm Ngọc Thạch (số thứ tự số 145) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Nguyễn Kiệm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023
				<p>Cụm từ “Đường quy hoạch Đ2 khu TĐC cổ phần cơ giới xây lắp” tại quy định giá đất ở đối với đường Phan Kế Bính (số thứ tự số 153) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Chữ Đồng Tử” theo quy định tại điểm i khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023

				<p>Cụm từ “Su Vạn Vạn” tại số thứ tự 332 tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Su Vạn Hạnh” theo quy định tại điểm k khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023
				<p>Cụm từ “Đường Trường Chinh” tại số thứ tự 334 tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Đường Quốc lộ 19” theo quy định tại điểm l khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	01/6/2023
				<p>Cụm từ “Đường quy hoạch khu đô thị Cầu sắt” tại số thứ tự số 338 tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Các tuyến đường quy hoạch còn lại khu đô thị cầu Sắt” theo quy định tại điểm m khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban</p>	01/6/2023

					nhân dân tỉnh Gia Lai	
				Cụm từ “Hẻm 361 Nguyễn Viết Xuân” tại số thứ tự số 341 tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Hẻm 367 Nguyễn Viết Xuân” theo quy định tại điểm n khoản 1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	01/6/2023
				<ul style="list-style-type: none"> - Quy định giá đất ở tại nông thôn đối với xã Chư Hdrông (số thứ tự 4) tại Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn Mục A Phụ lục; - Quy định giá đất trồng cây lâu năm đối với xã Chư Hdrông (số thứ tự 17) tại Bảng số 03: Bảng giá đất trồng cây lâu năm Mục A Phụ lục; - Quy định giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên đối với xã Chư Hdrông (số thứ tự 17) tại Bảng số 04: Bảng giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên Mục A Phụ lục; - Quy định giá đất trồng cây hàng năm khác đối với xã 	Bị bãi bỏ bằng khoản 2 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	01/6/2023

				<p>Chư Hdrông (số thứ tự 17) tại Bảng số 05: Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác Mục A Phụ lục;</p> <p>- Quy định giá đất rừng sản xuất đối với xã Chư Hdrông (số thứ tự 5) tại Bảng số 06: Bảng giá đất rừng sản xuất Mục A Phụ lục;</p> <p>- Quy định giá đất nuôi trồng thủy sản đối với xã Chư Hdrông (số thứ tự 17) tại Bảng số 07: Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản Mục A Phụ lục;</p> <p>- Quy định về giá đất ở đối với đường Phạm Văn Đồng đoạn từ Tôn Đức Thắng đến Ranh giới huyện Chư Păh, tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục (số thứ tự 147);</p> <p>- Quy định về giá đất ở đối với đường Tôn Thất Thuyết đoạn từ Lê Thị Hồng Gấm đến Phạm Văn Đồng, tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục (số thứ tự 171);</p> <p>- Quy định về giá đất ở đối với đường Trường Chinh</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>đoạn từ Lê Thánh Tôn đến Hết ranh giới Pleiku, tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục (số thứ tự 193);</p> <p>- Quy định về giá đất ở đối với đường đi làng Pleiku Roh, tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục (số thứ tự 214);</p> <p>- Quy định về giá đất ở đối với đường QH 69m (đường Cách Mạng Tháng Tám nối dài) khu TĐC 2,5ha xã Trà Đa, tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục (số thứ tự 350);</p> <p>- Quy định về giá đất ở đối với đường Cách Mạng Tháng Tám nối dài, tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục (số thứ tự 351).</p>		
5	Quyết định	10/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020	Ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Quy định về giá đất của một số đoạn đường, tuyến đường trên địa bàn thị trấn Phú Hòa tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị Mục A Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh	21/01/2023

					Gia Lai	
				Quy định về giá đất một số khu vực, vị trí tại Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn Mục A Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 2 Mục I Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Quy định về giá đất một số vị trí tại Bảng số 05: Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác Mục A Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 3 Mục I Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Quy định về giá đất một số vị trí tại Bảng số 06: Bảng giá đất rừng sản xuất Mục A Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 4 Mục I Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023

				Một số quy định về giá đất tại Bảng số 10: Bảng giá đất các khu quy hoạch Mục A Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 5 Mục I Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Quy định cách xác định khu vực, vị trí cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn tại xã Nghĩa Hưng tại khoản I Mục C Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 1 Mục II Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Quy định cách xác định khu vực, vị trí cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn tại xã Ia Phí tại khoản I Mục C Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 2 Mục II Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023

				Quy định cách xác định khu vực, vị trí cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn tại xã Nghĩa Hòa tại khoản I Mục C Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 3 Mục II Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Quy định cách xác định khu vực, vị trí cho Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn tại xã Chư Đăng Ya tại khoản I Mục C Phụ lục	Được sửa đổi bằng quy định tại khoản 4 Mục II Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Cụm từ “Hết ranh giới trụ sở UBND Thôn 2” tại quy định về giá đất ở đối với đường Lê Lợi, thị trấn Phú Hòa (số thứ tự 7) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Hết ranh giới Hội trường Ban nhân dân Thôn 2 (cũ)” theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023

				Quy định về giá đất ở đối với đường hẻm sát Bệnh viện huyện rộng 12m, thị trấn Phú Hòa (số thứ tự 20) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục	Bị bãi bỏ bằng quy định tại điểm a khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Cụm từ “Phạm Văn Đồng” tại quy định về giá đất ở đối với đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Ia Ly (số thứ tự thứ 6) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Đường QH D14” theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Cụm từ “Tỉnh lộ 661” tại quy định về giá đất ở đối với đường liên xã Ia Ly - Ia Phí, đường vào Sê San, thị trấn Ia Ly (số thứ tự 14, 15) tại Bảng số 01: Bảng giá đất ở tại đô thị mục A Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Đường Hùng Vương” theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023

					ban nhân dân tỉnh Gia Lai	
				Thay thế cụm từ “Đường liên xã Nghĩa Hưng - Chư Jô” tại khoản II Mục C Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Đường liên xã Nghĩa Hưng - Chư Đang Ya” theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023
				Thay thế cụm từ “liên xã Nghĩa Hòa đi Ia Sao” tại khoản II Mục C Phụ lục	Được thay thế bằng cụm từ “Đường liên xã Nghĩa Hòa đi Ia Yok” theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	21/01/2023

				<p>Thay thế cụm từ “Xã Chư Jôr và Chư Đang Ya tính từ đường liên xã” tại khoản II Mục C Phụ lục</p>	<p>Được thay thế bằng cụm từ “Xã Chư Đang Ya tính từ đường liên xã” theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	21/01/2023
				<ul style="list-style-type: none"> - Quy định giá đất ở tại nông thôn đối với xã Chư Jôr (số thứ tự 10) tại Bảng số 02: Bảng giá đất ở tại nông thôn mục A Phụ lục; - Quy định giá đất trồng cây lâu năm đối với xã Chư Jôr (số thứ tự 12) tại Bảng số 03: Bảng giá đất trồng cây lâu năm mục A Phụ lục; - Quy định giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên đối với xã Chư Jôr (số thứ tự 12) tại Bảng số 04: Bảng giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên mục A Phụ lục; - Quy định giá đất trồng cây hàng năm khác đối với xã 	<p>Bị bãi bỏ bằng quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	21/01/2023

				<p>Chư Jôr (số thứ tự 12) tại Bảng số 05: Bảng giá đất trồng cây hàng năm khác mục A Phụ lục;</p> <p>- Quy định giá đất rừng sản xuất đối với xã Chư Jôr (số thứ tự 12) tại Bảng số 06: Bảng giá đất rừng sản xuất mục A Phụ lục;</p> <p>- Quy định giá đất nuôi trồng thủy sản đối với xã Chư Jôr (số thứ tự 12) tại Bảng số 07: Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản mục A Phụ lục;</p> <p>- Bảng giá đất ở khu quy hoạch phân lô dân cư Nhà máy chế biến chè, xã Nghĩa Hưng của Bảng số 10: Bảng giá đất các khu quy hoạch Mục A Phụ lục;</p> <p>- Điểm 10 khoản I mục C Phụ lục.</p>		
6	Quyết định	32/2016/QĐ-UBND ngày 14/7/2016	Ban hành Quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động xúc tiến thương mại địa phương trên địa bàn tỉnh	Điểm b khoản 5 Điều 7, Điều 16 Quy định	Được sửa đổi, bổ sung bằng khoản 2, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	23/7/2023

				Điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Quy định	Được sửa đổi bằng khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	23/7/2023
				Cụm từ “xuất khẩu” tại Điều 2, Điều 5 Quy định	Thay thế bằng cụm từ “ngoại thương” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	23/7/2023
				Cụm từ “định hướng xuất khẩu” tại Điều 7 Quy định	Thay thế bằng cụm từ “phát triển ngoại thương” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	23/7/2023
				- Từ “ngàn” tại khoản 1 Điều 7 Quy định; - Cụm từ “đối với doanh nghiệp: Thực hiện theo Điều 7 tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 về một số chính	Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	23/07/2023

				<p>sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư áp dụng tại địa bàn tỉnh Gia Lai” tại điểm a khoản 5 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 8 Quy định;</p> <p>- Cụm từ “Đối với doanh nghiệp tham gia phải có tối thiểu 07 doanh nghiệp; Mức hỗ trợ thực hiện theo Điều 7 tại Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 về một số chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư áp dụng tại địa bàn tỉnh Gia Lai” tại khoản 6 Điều 7 Quy định</p>		
				<p>Điểm c khoản 5 Điều 7, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 15</p>	<p>Bị bãi bỏ bằng khoản 3 Điều 2 Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	23/7/2023
7	Quyết định	11/2011/QĐ-UBND ngày 24/5/2011	<p>Ban hành Quy định về tổ chức quản lý, sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa</p>	<p>Điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5; khoản 3 Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 11; điểm d khoản 5, khoản 6 Điều 13 Quy định</p>	<p>Được sửa đổi, bổ sung bằng Điều 1 Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai</p>	26/5/2023

			trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Cụm từ “phù hiệu” tại Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 13, Phụ lục 1, Phụ lục 2 và tên của Chương III Quy định	Thay thế bằng cụm từ “biên hiệu” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	26/5/2023
				Điều 3; điểm b, c, đ, e khoản 1 Điều 8; điểm a khoản 3 Điều 13 Quy định	Bị bãi bỏ bằng khoản 2 Điều 2 Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	26/5/2023
				- Nội dung “Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự); Giấy chứng minh nhân dân” tại điểm e khoản 2 Điều 5 Quy định. - Nội dung “Vận động các nhà tài trợ kinh phí mua mũ bảo hiểm, thực hiện hỗ trợ từng bước cho Ban An toàn giao thông cấp huyện cấp phát cho các tổ, đội, nghiệp đoàn hành nghề vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe gắn máy, xe mô tô hai	Bị bãi bỏ bằng khoản 3, khoản 4 Điều 2 Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	26/5/2023

				bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự” tại khoản 1 Điều 13 Quy định.		
II. VẤN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản.						